TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 -5- 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**

2. Ông **Thạch Khêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14/3/2018, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1991, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Trương Công N, xã An Thạnh Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng D,** sinh năm 1991, vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Ngãi H, xã Tập N, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Vào năm 2013, chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Hoàng D và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tập N, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào năm 2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 13/11/2013 hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau ngày cưới, chị về sống làm dâu bên gia đình chồng, anh D đi làm thuê để gửi tiền về phụ lo cho gia đình nhưng thời gian sau thì anh Tịnh không gửi tiền về cho chị để lo cho con và cũng không liên lạc hỏi thăm chị và con, mạnh ai người đó sống, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị và con đã về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay.

Chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 13/11/2013 và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân (Bản phô tô); 01 (Một) sổ hộ khẩu (Bản phô tô); 01 (Một) đơn xác nhận hộ khẩu và nơi sinh sống (Bản chính); 01 (Một) giấy khai sinh (Bản phô tô có chứng thực); 02 (Hai) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (Bản chính).

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ cho anh D nhưng anh D không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh D được và anh D cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tống đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Hoàng D chưa chấp hành đúng theo quy định về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Hoàng D đã có mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh D; Về con chung: Cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 13/11/2013. Chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có

nên đề nghị không xem xét, giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định; Bị đơn anh Nguyễn Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Hoàng D kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tập N, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 29/4/2014 theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định giữa chị và anh D không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh D đã sống ly thân hơn 01 năm nay, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Trong khoảng thời gian sống ly thân cũng không ai tìm đến ai, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D.

[3] Về con chung: Xét thấy, trong thời gian sống ly thân thì con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 13/11/2013 do chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T vẫn đảm bảo nuôi dưỡng con tốt. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, anh D không có ý kiến. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để tránh gây xáo trộn sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng D cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc T khai chị và anh D không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Nguyễn Hoàng D để biết ý kiến của anh như thế nào về tài sản chung và anh D có tranh chấp về tài sản chung với chị T hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Nguyễn Hoàng D có tranh chấp về tài sản chung với chị T thì anh D được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Nguyễn Ngọc T.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T; Cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 13/11/2013. Chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc T khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Nguyễn Hoàng D có tranh chấp về tài sản chung thì anh Nguyễn Hoàng D được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Nguyễn Ngọc T.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015358, ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Hoàng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Hoàng D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã Tập N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh